

Số: 154/QĐ-VKSCB

Cao Bằng, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-VKSCB ngày 10/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng (theo phụ lục và Quyết định đính kèm).

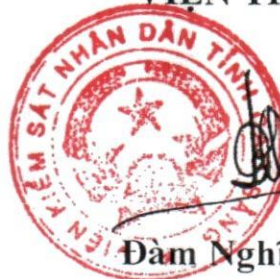
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện KSND tối cao (Cục 3);
- Trang tin của VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu VT, KT.

VIỆN TRƯỞNG



Đam Nghĩa Quân



VIỆN KSND TỈNH CAO BẰNG

Chương 004

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN
VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-VKSCB ngày 15/01/2025 của Viện trưởng Viện
KSND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Số chưa phân bổ
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước (không bao gồm chi đầu tư)	16.998,6	16.998,6	0,0
1	Chi quản lý hành chính	16.749,0	16.749,0	0,0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.781,6	13.781,6	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.967,4	2.967,4	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	249,6	249,6	0,0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	249,6	249,6	

Ulor



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

PHỤ LỤC PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-VKSCB ngày 15/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: triệu đồng

STT	VKS tỉnh	Tên đơn vị cấp III	Tổng dự toán toán ngành	Quản lý hành chính					Sự nghiệp giáo dục đào tạo								Sự nghiệp khoa học công nghệ (Không tự chủ)(loại 100-103)	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
				Loại 340-341	Loại 340-341 (Vốn trong nước)	Trong đó		Loại 340- 341 (Vốn nước ngoài)	Cộng giáo dục đào tạo	Loại 070-081	Trong đó		Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ, công chức					
						Tự chủ	Không tự chủ						Loại 070-085	Hỗ trợ đào tạo sau đại học	Tổng cộng đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cao Bằng	Văn phòng Viện KSND tỉnh	7.235,5	6.985,9	6.985,9	4.733,5	2.252,4		249,6				249,6		249,6			
2	Cao Bằng	Viện KSND thành phố Cao Bằng	1.167,0	1.167,0	1.167,0	1.073,5	93,5											
3	Cao Bằng	Viện KSND huyện Trùng Khánh	1.021,9	1.021,9	1.021,9	943,4	78,5											
4	Cao Bằng	Viện KSND huyện Thạch An	1.018,6	1.018,6	1.018,6	955,1	63,5											
5	Cao Bằng	Viện KSND huyện Quảng Hòa	1.021,9	1.021,9	1.021,9	943,4	78,5											
6	Cao Bằng	Viện KSND huyện Nguyên Bình	828,3	828,3	828,3	764,8	63,5											
7	Cao Bằng	Viện KSND huyện Hòa An	1.015,2	1.015,2	1.015,2	936,7	78,5											
8	Cao Bằng	Viện KSND huyện Hà Quảng	916,3	916,3	916,3	847,8	68,5											
9	Cao Bằng	Viện KSND huyện Hạ Lang	1.047,1	1.047,1	1.047,1	983,6	63,5											
10	Cao Bằng	Viện KSND huyện Bảo Lâm	929,4	929,4	929,4	865,9	63,5											
11	Cao Bằng	Viện KSND huyện Bảo Lạc	797,4	797,4	797,4	733,9	63,5											
	Tổng cộng		16.998,6	16.749,0	16.749,0	13.781,6	2.967,4	0,0	249,6	0,0	0,0	0,0	249,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

Thị Ngọc

Số: 104/QĐ-VKSCB

Cao Bằng, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng Viện KSND tỉnh Cao Bằng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục kế hoạch - Tài chính (B/c);
- KBNN nơi giao dịch (để theo dõi);
- Lưu VP.

VIỆN TRƯỞNG



Đàm Nghĩa Quân



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Phụ lục

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 104/QĐ-VKSCB ngày 10/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: đồng

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ QHVN	KINH PHÍ THỰC HIỆN TỰ CHỦ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ	ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ
1. Văn phòng Viện KSND tỉnh Cao Bằng	1003571	4.733.500.000	2.252.400.000	249.600.000
2. Viện KSND huyện Hạ Lang	1001839	983.600.000	63.500.000	
3. Viện KSND huyện Bảo Lạc	1002916	733.900.000	63.500.000	
4. Viện KSND huyện Hà Quảng	1003385	847.800.000	68.500.000	
5. Viện KSND huyện Hòa An	1003569	936.700.000	78.500.000	
6. Viện KSND huyện Nguyên Bình	1003389	764.800.000	63.500.000	
7. Viện KSND huyện Quảng Hòa	1003676	943.400.000	78.500.000	
8. Viện KSND huyện Thạch An	1003570	955.100.000	63.500.000	
9. Viện KSND huyện Trùng Khánh	1003396	943.400.000	78.500.000	
10. Viện KSND huyện Bảo Lâm	1003022	865.900.000	63.500.000	
11. Viện KSND Thành phố Cao Bằng	1002915	1.073.500.000	93.500.000	
Tổng cộng		13.781.600.000	2.967.400.000	249.600.000

Ghi chú:

* **Phần kinh phí thực hiện tự chủ bao gồm:**

- Định mức chi thường xuyên; Các khoản chi đảm bảo cho hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; phúc lợi tập thể, chi hỗ trợ các tổ chức đoàn thể. Các khoản chi đặc thù: trực nghiệp vụ, bồi dưỡng tiếp công dân, chi hỗ trợ lưu động, chi công tác

tuyên truyền, chi triển khai các đạo luật mới, chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, chi tiền lương, tiền công lao động và chi thường xuyên cho hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 01/11/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính.

- Tiền lương và chi thường xuyên đối với Hợp đồng lao động là lái xe ô tô chuyên dùng cấp huyện năm 2025 và tiền lương bổ sung cho lái xe 6 tháng cuối năm 2024.

*** Phần kinh phí thực hiện không tự chủ bao gồm:**

- Chi nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, nội dung chi gồm: Chi công tác phí, xăng xe, văn phòng phẩm, thuê phiên dịch, dịch thuật...:

1.010.000.000đ

- Chi thuê luật sư, nhân chứng: **58.000.000đ**

- Kinh phí may sắm trang phục ngành: **919.400.000đ**

- Kinh phí hỗ trợ công tác kiểm sát trại tạm giam, nhà tạm giữ: **80.000.000đ**

- Kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở (Nguyên Bình: 300tr, Thành phố: 150tr, Bảo Lạc: 450tr): **900.000.000đ**

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (070-085):

249.600.000đ 